|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**Số: /QĐ-TTg**DỰ THẢO****Tháng 6/2024** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch bảo vệ và khai thác
nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;*

*Căn cứ Nghị định số*[*37/2019/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-37-2019-nd-cp-huong-dan-luat-quy-hoach-374745.aspx)*ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;* *Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số*[*26/2019/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-37-2019-nd-cp-huong-dan-luat-quy-hoach-374745.aspx)*ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuỷ sản; Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số* [*26/2019/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-37-2019-nd-cp-huong-dan-luat-quy-hoach-374745.aspx)*ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuỷ sản;*

*Căn cứ Quyết định số 389/QĐ-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thuỷ sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số…/TTr-BNN-KN ngày…tháng…năm 2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiệnQuy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT,  các Vụ:……..;- Lưu: VT, NN (2) Khánh. | **KT. THỦ TƯỚNG****PHÓ THỦ TƯỚNG****Trần Lưu Quang** |

|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

1. Mục đích

- Triển khai có hiệu quả Quyết định số [389/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/quyet-dinh-847-qd-ttg-2023-phe-duyet-quy-hoach-phong-chong-thien-tai-va-thuy-loi-2021-2030-572609.aspx) ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng lộ trình, tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của quy hoạch.

- Xác định các nhiệm vụ, giải pháp, danh mục các dự án ưu tiên triển khai thực hiện theo từng giai đoạn từ nay đến năm 2030; xác định phương thức, nguồn lực, cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong triển khai thực hiện.

- Xây dựng kế hoạch tăng quy mô, diện tích các khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên các loại hình thủy vực; thành lập mới và tổ chức quản lý hiệu quả các khu bảo tồn biển, hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho loài thủy sản ở biển.

- Xây dựng kế hoạch điều chỉnh số lượng tàu cá khai thác thủy sản, chuyển đổi cơ cấu nghề khai thác thủy sản ở các thủy vực vùng nội địa, vùng biển; đầu tư, phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng và dịch vụ hậu cần phục vụ khai thác thủy sản.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm khả thi, linh hoạt, liên kết, thống nhất, không mâu thuẫn giữa các nhiệm vụ, dự án của các ngành, địa phương; chú trọng tính đặc thù của lĩnh vực bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản.

- Phù hợp với khả năng huy động nguồn lực của quốc gia, của ngành và nguồn lực ngoài ngân sách giai đoạn 2021 - 2030, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, 2026 - 2030; phù hợp với định hướng phát triển của ngành, đất nước.

**II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN**

1. Thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về quy hoạch

- Tuyên truyền phổ biến nội dung Quy hoạch đến tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản để phát huy vai trò giám sát của người dân, sự tham gia của các bên liên quan trong thực hiện Quy hoạch.

- Triển khai thực hiện cung cấp, lưu trữ hồ sơ Quy hoạch theo quy định.

- Kiểm tra, giám sát định kỳ bảo đảm các quy hoạch có liên quan, quy hoạch tỉnh phải tuân thủ các định hướng của Quy hoạch này; báo cáo đánh giá việc thực hiện Quy hoạch theo định kỳ hàng năm, 05 năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

2. Dự án đầu tư công

a) Nguyên tắc

- Thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn 2021 - 2025 và 2026 - 2030 của Quy hoạch.

- Căn cứ mức vốn được giao trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và 2026 - 2030 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương, phần còn lại tiếp tục huy động các nguồn vốn khác của địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

- Tiến độ, quy mô đầu tư các dự án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản trong Kế hoạch là dự kiến, tiến độ, quy mô cụ thể sẽ được xác định và phê duyệt trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư của các dự án.

b) Nội dung Kế hoạch

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương phối hợp với các bộ, ngành liên quan tiếp tục thực hiện đầu tư các dự án đã xác định nguồn vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; các dự án dự kiến đầu tư trong giai đoạn 2026 - 2030 từ nguồn vốn đầu tư công và các nguồn khác ngoài đầu tư công, trong đó:

- Việc ưu tiên bố trí vốn cho các dự án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công, trong đó ưu tiên thực hiện các dự án giai đoạn trước còn dở dang, chưa đồng bộ để phát huy hiệu quả, cụ thể:

. Đối với dự án đầu tư cơ sở hạ tầng cho các khu bảo tồn biển: Ưu tiên đầu tư tại các khu bảo tồn biển đã được thành lập theo quy định pháp luật Thủy sản; các khu bảo tồn biển cấp Quốc gia, cấp tỉnh được thành lập mới theo quy định pháp luật Thủy sản.

. Đối với các dự án đầu tư hình thành khu cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ở biển: Ưu tiên đầu tư tại khu vực biển miền Trung bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển; khu vực dự kiến giao tổ chức cộng đồng quản lý theo phương thức đồng quản lý quy định tại Luật Thủy sản.

. Đối với các dự án đầu tư thực hiện nội dung quy hoạch về khai thác thủy sản thời kỳ 2021-2030: Thực hiện theo quy định đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Trường hợp cần thiết đầu tư sớm để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và huy động bố trí được đầy đủ các nguồn lực để thực hiện, cơ quan được giao chủ trì thực hiện dự án đề xuất với cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, chấp thuận cho đầu tư giai đoạn sớm hơn so với kế hoạch.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương chịu trách nhiệm xem xét việc thực hiện các dự án, nhất là các dự án ưu tiên bảo đảm hiệu quả, khả thi theo đúng quy định và không để xảy ra thất thoát, lãng phí (danh mục các dự án ưu tiên chi tiết tại Phụ lục)

3. Dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

Ủy ban nhân dân các tỉnh chủ động bố trí nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2026-2030 hoặc huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các nhóm dự án, cụ thể như sau:

- Nhóm các dự án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển: Ưu tiên thực hiện giai đoạn 2021-2025, đối với việc điều chỉnh ranh giới, diện tích các khu bảo tồn biển đã được thành lập phù hợp với Quy hoạch này.

- Nhóm các dự án thành lập mới khu bảo tồn biển: Thực hiện giai đoạn 2026-2030.

- Các dự án thực hiện nội dung quy hoạch về khai thác thủy sản thời kỳ 2021-2030: Thực hiện theo quy định đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Kế hoạch sử dụng đất

- Nhu cầu sử dụng đất, mặt nước đến năm 2030 được thực hiện theo quy định tại khoản 3, mục III, Điều 1 Quyết định số 389/QĐ-TTg ngày 09/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phối hợp với các Bộ, ngành rà soát nhu cầu sử dụng đất, phân kỳ đầu tư phù hợp với tiêu chí sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm việc sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả và theo đúng quy định.

5. Các nguồn lực và việc sử dụng nguồn lực để thực hiện quy hoạch

- Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước để thành lập, đầu tư và quản lý hiệu quả các khu bảo tồn biển, khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thuỷ sản ở biển; nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; đào tạo nguồn nhân lực; đầu tư xây dựng cảng cá loại I-II, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

- Nguồn lực thực hiện quy hoạch được huy động, bố trí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn ngoài ngân sách và các nguồn vốn hợp phác khác.

**III. CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

1. Thu hút đầu tư phát triển theo quy hoạch đã được phê duyệt

- Xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư hạ tầng, phát triển các khu bảo tồn biển, các khu cư trú nhân tạo cho loài thủy sản ở biển,... đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính hỗ trợ nhà đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư; hỗ trợ các nhà đầu tư tiếp cận các chính sách hỗ trợ đầu tư theo các chính sách ưu đãi đầu tư hiện hành.

- Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản, đầu tư xây dựng các khu bảo tồn biển, các khu vực cư trú nhân tạo cho loài thủy sản ở biển... được hưởng các ưu đãi theo về đầu tư và tài chính theo các quy định hiện hành.

2. Phát triển nguồn nhân lực

- Đầu tư, nâng cao năng lực về nghiên cứu khoa học, công nghệ và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, có chuyên môn sâu trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản cho các Viện nghiên cứu, Trường đào tạo có liên quan.

- Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, có chuyên môn sâu trong lĩnh vực điều tra dự báo ngư trường, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; chuyển đổi nghề cho ngư dân...

3. Phát triển khoa học và công nghệ

- Xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật cho việc đầu tư hình thành mới hoặc điều chỉnh diện tích khu bảo tồn biển; khu vực cư trú nhân tạo cho loài thủy sản ở biển,... tạo điều kiện để các địa phương triển khai thực hiện tốt nội dung quy hoạch.

- Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật về các nghề khai thác thủy sản làm cơ sở để chuyển đổi các nghề khai thác thủy sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường sống của các loài thủy sản.

- Nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng khoa học và công nghệ như công nghệ số để nâng cao năng lực quản lý ngành và đào tạo nguồn nhân lực; công nghệ hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ở biển; công nghệ khai thác tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng; quản lý, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, dự báo ngư trường; điều tra, khảo sát, giám sát hoạt động tàu cá; phát triển khai thác đi đôi với việc gia hóa, lựa chọn và phát triển giống tái tạo nguồn lợi thủy sản, phòng chống thiên tai và bảo vệ môi trường.

4. Bảo đảm an sinh xã hội

- Xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ an sinh xã hội cho ngư dân trong việc chuyển đổi nghề khai thác thủy sản; hỗ trợ ngư dân khi gặp rủi ro trên biển...

- Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân tham gia vào các hoạt động thiện nguyện góp phần đảm bảo an sinh xã hội đối với lĩnh vực bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản.

5. Bảo vệ môi trường

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển, đầu tư hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ở biển; dự án điều chỉnh và thành lập mới các khu bảo tồn biển phải thực hiện đánh giá tác động môi trường theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6. Bảo đảm nguồn lực tài chính

- Cân đối nguồn tài chính phù hợp để đáp ứng nhu cầu về vốn đầu tư theo quy hoạch. Thường xuyên rà soát, đánh giá thực tế nhu cầu để đề xuất, điều chỉnh hợp lý, đảm bảo đầu tư tập trung, có trọng tâm, trọng điểm phù hợp với khả năng bố trí nguồn lực.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp chặt chẽ trong việc cân đối, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét việc bố trí, sử dụng ngân sách hàng năm để thực hiện các nội dung theo Quy hoạch.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các địa phương và cơ quan liên quan vận động, thu hút các nguồn vốn ngoài ngân sách để tham gia đầu tư các dự án ưu tiên theo Quy hoạch được duyệt.

7. Bảo đảm quốc phòng, an ninh

Ưu tiên đầu tư các hạng mục dự án kết hợp với quốc phòng, an ninh, đặc biệt tại các huyện đảo, các đảo tiền tiêu có vị trí chiến lược như quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa của Việt Nam; đẩy mạnh tổ chức sản xuất theo tổ đội sản xuất trên biển kết hợp với mô hình dân quân tự vệ trên biển, đảm bảo nguồn lực tài chính đầu tư trong thời kỳ quy hoạch.

**IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tổ chức công bố, cung cấp thông tin về Quy hoạch và lưu trữ hồ sơ Quy hoạch theo quy định.

- Chủ trì rà soát các quy định pháp luật chuyên ngành, phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc (nếu có), tạo điều kiện thuận lợi trong đầu tư dự án ưu tiên; tiếp tục hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản.

- Phối hợp các bộ, ngành, các địa phương, các tổ chức quốc tế nghiên cứu, huy động các nguồn lực phù hợp để thực hiện quy hoạch.

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách đột phá trong huy động nguồn lực tổ chức thực hiện Quy hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành đánh giá, kiểm tra thực hiện Quy hoạch theo định kỳ hàng năm, 05 năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

- Phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để bố trí ngân sách trung hạn, tập trung bố trí vốn hàng năm cho các nhiệm vụ, dự án theo phân cấp và Quy hoạch được duyệt, đảm bảo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, quy hoạch.

- Phối hợp với các bộ, ngành và các địa phương rà soát nhu cầu sử dụng đất, phân kỳ đầu tư phù hợp theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính trình cơ quan có thầm quyền bố trí các nguốn vốn cho dự án đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm 2021-2030, Quy hoạch tổng thể quốc gia, các kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội từng ngành và địa phương.

3. Bộ Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách trung ương, trên cơ sở đề xuất của Bộ NN&PTNT và các Bộ, ngành liên quan cân đối, bố trí vốn trong dự toán ngân sách trung ương hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu và nội dung của Quy hoạch.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các địa phương lập phương án, kế hoạch sử dụng đất, mặt nước, bảo tồn đa dạng sinh học, thực hiện có hiệu quả các nội dung quy hoạch.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch đảm bảo quá trình thực hiện phù hợp với quy hoạch của các ngành, địa phương.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng và triển khai kế hoạch về hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn và công bố theo quy định phục vụ quản lý nhà nước và phát triển bảo vệ, khai thác nguồn lợi thủy sản.

- Triển khai các giải pháp tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong bảo vệ, tái tạo, phát triển nguồn lợi thủy sản và khai thác thủy sản theo định hướng của Quy hoạch.

6. Bộ Công Thương

Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai các chính sách, giải pháp thúc đẩy, phát triển, mở rộng thị trường, xúc tiến thương mại, giải quyết rào cản thương mại (nếu có) cho sản phẩm khai thác thủy sản.

7. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng chương trình đào tạo, nâng cao tay nghề, chuyển đổi nghề cho ngư dân và chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề cho ngư dân; hướng dẫn quản lý lao động nghề cá phù hợp với quy định pháp luật lao động trong nước và quốc tế.

8. Bộ Quốc phòng

Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển trong việc chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định, đặc biệt tại các khu vực vùng biển chồng lấn, chưa được phân định giữa Việt Nam và các nước để kịp thời ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm khai thác thủy sản ở vùng biển nước ngoài; tìm kiếm, cứu hộ cứu nạn; quản lý khu bảo tồn biển tại khu vực đảo tiền tiêu và các nhiệm vụ khác theo chức năng nhiệm vụ được giao.

9. Bộ Công an

Quản lý nhà nước về an ninh, trật tự an toàn xã hội, tổ chức phòng ngừa, đấu tranh, xử lý vi phạm pháp luật trên lĩnh vực thủy sản nói chung, trong đó có hoạt động khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

10. Bộ Ngoại giao

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan tham mưu cho Chính phủ phương án đàm phán với các quốc gia có vùng biển chồng lấn, chưa phân định để xác định ranh giới khai thác thủy sản hợp pháp của tàu cá Việt Nam; kịp thời trao đổi với cơ quan chức năng trong nước để xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Đồng thời, tiếp tục tăng cường công tác bảo hộ công dân đối với các ngư dân bị nước ngoài bắt giữ, xử lý.

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc nghiên cứu, đề xuất và triển khai ký kết, gia nhập và thực hiện Điều ước quốc tế về hợp tác nghề cá; cung cấp thông tin liên quan đến việc ban hành các công ước, Hiệp ước quốc tế về quản lý nghề cá trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản của khu vực và trên thế giới; phối hợp xử lý các vấn đề liên quan đến khai thác thủy sản.

11. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Chủ động lồng ghép phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản trong quy hoạch tỉnh phù hợp với Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tổ chức quản lý khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn theo quy định tại Luật Thủy sản.

- Xây dựng lộ trình điều chỉnh cơ cấu nghề khai thác thủy sản, giảm số lượng tàu cá tại mỗi tỉnh theo Quy hoạch.

- Chủ động xây dựng kế hoạch huy động nguồn lực (ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác), trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tập trung bố trí vốn ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm để triển khai các nhiệm vụ, dự án đầu tư trên địa bàn thực hiện Quy hoạch theo phân cấp, đúng quy định của pháp luật về quy hoạch, đầu tư công, ngân sách nhà nước, xây dựng và pháp luật khác có liên quan, đảm bảo đầu tư đồng bộ, khép kín, phát huy hiệu quả.

12. Các Hội, Hiệp hội ngành hàng trong ngành thủy sản

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các tỉnh tuyên truyền, phổ biến cho cộng đồng doanh nghiệp, ngư dân về kế nội dung và kế hoạch thực hiện quy hoạch.

- Tham gia xây dựng thương hiệu sản phẩm thủy sản, hoạt động xúc tiến thương mại, đào tạo nghề, tập huấn cho ngư dân phát triển sinh kế, chuyển đổi nghề phù hợp; tổ chức sản xuất thủy sản theo chuỗi giá trị, có trách nhiệm, chất lượng, hiệu quả và bền vững.

**Phụ lục**

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN THỰC HIỆN
VÀ PHÂN KỲ THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

| **TT** | **Tên Dự án** | **Đơn vị chủ trì** | **Phân kỳ đầu tư** | **Nguồn vốn** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **2021-2025** | **2026-2030** | **Ngân sách Nhà nước** | **Nguồn vốn hợp pháp khác** |
| **1** | **Nhóm dự án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển, bao gồm:**  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Dự án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển Bạch Long Vỹ | Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng | X |  | X | X |
| 1.2 | Dự án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển Cồn Cỏ | Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị | X |  | X | X |
| 1.3 | Dự án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm | Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam | X |  | X | X |
| 1.4 | Dự án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển Lý Sơn | Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi | X |  | X | X |
| 1.5 | Dự án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển Hòn Cau | Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận | X |  | X | X |
| 1.6 | Dự án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển Phú Quốc | Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang | X |  | X | X |
| **2** | **Nhóm dự án thành lập mới khu bảo tồn biển, bao gồm:**  |  |  |  |  |  |
| 2.1 | Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Vịnh Hạ Long | Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh |  | X | X | X |
| 2.2 | Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Bái Tử Long |  | X | X | X |
| 2.3 | Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Cô Tô - Đảo Trần |  | X | X | X |
| 2.4 | Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Cát Bà - Long Châu | Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng |  | X | X | X |
| 2.5 | Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển gò đồi ngầm Quảng Bình | Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình |  | X | X | X |
| 2.6 | Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Vịnh Nha Trang | Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa |  | X | X | X |
| 2.7 | Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Song Tử |  | X | X |  |
| 2.8 | Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Nam Yết |  | X | X |  |
| 2.9 | Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Thuyền Chài |  | X | X |  |
| 2.10 | Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Núi Chúa | Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận |  | X | X | X |
| 2.11 | Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Côn Đảo | Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |  | X | X | X |
| 2.12 | Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Hòn Ngư - Đảo Mắt | Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An |  | X | X | X |
| 2.13 | Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Bắc Hải Vân - Sơn Chà | Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế |  | X | X | X |
| 2.14 | Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Sơn Trà | Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng |  | X | X | X |
| 2.15 | Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Vịnh Quy Nhơn | Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định |  | X | X | X |
| 2.16 | Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Vũng Rô | Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên |  | X | X | X |
| 2.17 | Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Phú Quý | Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận |  | X | X | X |
| 2.18 | Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Cà Mau | Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau |  | X | X | X |
| 2.19 | Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Thổ Chu | Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang |  | X | X | X |
| 2.20 | Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Nam Du - Hòn Sơn |  | X | X | X |
| 2.21 | Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Hải Tặc |  | X | X | X |
| **3** | **Nhóm dự án đầu tư cơ sở hạ tầng cho các khu bảo tồn biển, bao gồm:**  |  |  |  |  |  |
| 3.1 | Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Vịnh Hạ Long | Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh |  | X | X | X |
| 3.2 | Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Bái Tử Long |  | X | X | X |
| 3.3 | Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Cô Tô - Đảo Trần |  | X | X | X |
| 3.4 | Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Cát Bà - Long Châu | Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng |  | X | X | X |
| 3.5 | Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Bạch Long Vỹ |  | X | X | X |
| 3.6 | Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển gò, đồi ngầm Quảng Bình | Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình |  | X | X | X |
| 3.7 | Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Vịnh Nha Trang | Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa |  | X | X | X |
| 3.8 | Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Song Tử |  | X | X |  |
| 3.9 | Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Nam Yết |  | X | X |  |
| 3.10 | Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Thuyền Chài |  | X | X |  |
| 3.11 | Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Núi Chúa | Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận |  | X | X | X |
| 3.12 | Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Côn Đảo | Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |  | X | X | X |
| 3.13 | Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Hòn Ngư - Đảo Mắt | Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An |  | X | X | X |
| 3.14 | Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Cồn Cỏ | Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị |  | X | X | X |
| 3.15 | Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Bắc Hải Vân - Sơn Chà | Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế |  | X | X | X |
| 3.16 | Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Sơn Trà | Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng |  | X | X | X |
| 3.17 | Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm | Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam |  | X | X | X |
| 3.18 | Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Lý Sơn | Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi |  | X | X | X |
| 3.19 | Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Vịnh Quy Nhơn | Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định |  | X | X | X |
| 3.20 | Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Vũng Rô | Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên |  | X | X | X |
| 3.21 | Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Hòn Cau | Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận |  | X | X | X |
| 3.22 | Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Phú Quý |  | X | X | X |
| 3.23 | Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Cà Mau | Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau |  | X | X | X |
| 3.24 | Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Phú Quốc | Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang |  | X | X | X |
| 3.25 | Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Thổ Chu |  | X | X | X |
| 3.26 | Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Nam Du - Hòn Sơn |  | X | X | X |
| 3.27 | Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu bảo tồn biển Hải Tặc |  | X | X | X |
| **4** | **Nhóm dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ở biển Việt Nam, bao gồm:**  |  |  |  |  |  |
| 4.1 | Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản vùng biển phía Tây Nam đảo Ngọc Vừng | Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh |  | X | X | X |
| 4.2 | Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản vùng biển phía Nam Quần đảo Cát Bà | Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng |  | X | X | X |
| 4.3 | Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản vùng biển phía Tây Nam Quần đảo Long Châu |  | X | X | X |
| 4.4 | Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ Tiền Hải | Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình |  | X | X | X |
| 4.5 | Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ Quảng Xương | Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa |  | X | X | X |
| 4.6 | Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ Đông Bắc Mũi Gà | Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An |  | X | X | X |
| 4.7 | Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ Nghi Xuân | Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh |  | X | X | X |
| 4.8 | Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ Kỳ Anh | X |  |  | X |
| 4.9 | Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ Quảng Trạch | Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình | X |  |  | X |
| 4.10 | Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ Lệ Thủy | X |  |  | X |
| 4.11 | Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ Cửa Việt | Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị | X |  |  | X |
| 4.12 | Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ Phú Vang | Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế | X |  |  | X |
| 4.13 | Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ Phú Lộc | X |  |  | X |
| 4.14 | Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ vịnh Lăng Cô |  | X | X | X |
| 4.15 | Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ Ngũ Hành Sơn | Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng |  | X | X | X |
| 4.16 | Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ phía Tây Bắc Hòn Khô | Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam |  | X | X | X |
| 4.17 | Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ Thăng Bình |  | X | X | X |
| 4.18 | Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ mũi Bàn Than |  | X | X | X |
| 4.19 | Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ Phù Cát | Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định |  | X | X | X |
| 4.20 | Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ Xuyên Mộc | Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |  | X | X | X |
| 4.21 | Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ Đông Nam mũi Nghinh Phong |  | X | X | X |
| 4.22 | Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ Vĩnh Châu | Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng |  | X | X | X |
| 4.23 | Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản vùng bờ khu vực Nhà Mát | Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu |  | X | X | X |
| 4.24 | Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ phía Đông Hòn Khoai | Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau |  | X | X | X |
| 4.25 | Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ phía Tây Bắc Mũi Cà Mau |  | X | X | X |
| 4.26 | Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản vùng biển Khánh Bình Tây, Khánh Bình Tây Bắc |  | X | X | X |
| 4.27 | Dự án hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản ven bờ vịnh Cây Dương | Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang |  | X | X | X |